

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ÚC¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc² cũng du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Âm lâm³; đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều học tập không ngủ, tinh cần chánh trụ, tu tập đạo phẩm. Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: “Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc, liền bảo một Tỳ-kheo:

“Người hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập Úc về đây.”

Tỳ-kheo ấy bạch:

“Kính vâng.”

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra, đi đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc nói:

“Đức Thế Tôn cho gọi thầy.”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc nghe Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, phải chăng vừa rồi người sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: ‘Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?’”

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc thẹn thùng xấu hổ, không thể không hoang mang, rằng, “Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của ta”, liền chấp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng:

“Quả thật vậy.”

Đức Thế Tôn nói:

“Sa-môn, nay Ta hỏi người; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý người nghĩ sao,

¹. Tương đương Pāli A. Vi.55. Soṇa-sutta; tham chiếu Luật tạng Pāli, Mv.1.1~ 30. Tham chiếu, No.99 (254) *Tạp A-hàm* 9, kinh số 254; No.125 (23.3) Tăng Nhất 13, phẩm 23 “Địa Chủ” kinh số 3; Tứ Phần 29, Đại 22 tr.843; Ngũ Phần 21, Đại 22, tr.145.

². Sa-môn Nhị Thập Úc =F—G—Q—CPāli: Soṇa (Koḷivīsa). No.99 (254) và No.125 (23.3) dịch là Nhị Thập Úc Nhĩ, do Soṇa được đọc là Sota (lỗ tai); và Koḷi được đọc là Koṭi (một úc).

³. Âm lâm, cũng dịch là hàn lâm; khu rừng lạnh, bãi tha ma, nơi vất bỏ xác chết. Pāli: sītavana.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

khi người sống tại gia, giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?”

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc thưa:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không!”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, không.”

Đức Thế Tôn lại hỏi:

“Ý người nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?”

Sa-môn Nhị Thập Úc đáp:

“Bạch Thế Tôn, đáng ưa.”

Đức Thế Tôn nói:

“Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy người hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.”

Bấy giờ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc sau khi nghe Đức Phật dạy, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lãnh thọ ví dụ đàn cầm do Đức Phật dạy rồi, liền sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Tôn giả ấy sau khi sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, liền đạt được mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, duy chỉ mong thành tựu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc đã biết pháp rồi, v.v..., cho đến, chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, sau khi đã chứng quả A-la-hán, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc nghĩ rằng: “Nay đã đến thời, ta có nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí của mình chăng?” Rồi thì Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Úc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi xuống một bên mà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước⁴, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ⁵, tự thân đạt được thiện nghĩa⁶, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp⁷: vui nơi vô dục, vui nơi viễn ly, vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi

4. Hán: Tỳ-kheo đắc Vô sở trước -i -C-o-L-—FPāli: bhikkhu araham, vị Tỳ-kheo là A-la-hán.

5. Hán: hữu kết dĩ giải -—w—FPāli: parikkhīṇabhavasamyojano (*tận chu hữu kết*), đã diệt tận hoàn toàn các phiền não trói buộc dẫn tới tái sanh.

6. Hán: tự đắc thiện nghĩa -—o—q-R tự mình đã đạt đến mục đích; Pāli: anuppattasadattho (*đãi đắc kỳ lợi*), đã đạt đến mục đích tối cao, chí thiện.

7. Hán: lạc thủ lục xứ -—B—CPāli: cha thānāni adhimutto, quyết định trong sáu trường hợp.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thủ tận, và vui nơi tâm không di động⁸.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y tín tâm nên vui nơi vô dục’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô dục.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên vui nơi viễn ly’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi viễn ly.

“Bạch Thế Tôn, hoặc có người nghĩ rằng: ‘Hiền giả này do y trên giới nên vui nơi vô tránh’. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp này.

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý, mà mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

“Vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

“Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không sụt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hở, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dời đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển,

⁸. Vô dục -L—Aviễn ly —Avô tránh -L—Ái tận -R—Athọ (= thủ) tận —Atâm bất di động
———CPāli: nekkhama (xuất gia), paviveka (ẩn dật), abyāpajja (không não hại, hay không sân nhuế), taṇhākkhaya (đã diệt tận khát ái), upādanakkhaya (đã diệt tận chấp thủ), assammohā (vô si).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dờn đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dờn đến các phương.

“Cũng vậy, bạch Thế Tôn, vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.”

Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc liền nói bài tụng:

*Vui nơi vô dục⁹,
Thì tâm viễn ly;
Hoan hỷ vô tránh¹⁰,
Hân hoan thủ tận.
Vui nơi thủ tận,
Tâm không di động,
Biết đúng như thật,
Tâm được giải thoát.
Tâm đã giải thoát,
Căn trần tĩnh chỉ¹¹,
Việc làm đã xong¹²,
Không phải làm nữa.
Ví như núi đá,
Gió không lay nổi.
Sắc, thanh, hương, vị,
Thân, xúc cũng vậy;
Pháp ái, bất ái¹³,
Không làm động tâm.*

Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ưc sau khi đối trước Đức Phật trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, sau khi Tôn giả Nhị Thập Ưc đi ra không bao lâu, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ưc, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trôi buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự

⁹. Pāli: nekkhamma, xuất ly, xuất gia.

¹⁰. Pāli: avyāpajjha, không nào hại, không thù nghịch.

¹¹. Hán: *túc căn* —CPāli: santacitta, tâm tịch tịnh.

¹². Hán: *tác dĩ bất quán* —CPāli: katassa paṭicayo n’atthi, không có sự làm thêm đối với điều đã làm.

¹³. Pāli: iṭṭhā dhammā aniṭṭhā ca, các pháp khả ái và không khả ái.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ưc đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

